

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 10/4/2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lâm Thành Thông.
- Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diễm Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 417/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-DS ngày 05/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2025/QĐST-DS ngày 25/3/2025. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, khu phố B, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1984 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Số B đường T, phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Phương trình B: Vào năm 2024 do quen biết nhau nên bà Trần Thị P có cho bà Trần Thị Ngọc V vay tiền với tổng số tiền là 169.540.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 0%/tháng, khi vay có làm hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng C, thời hạn vay là 34 tuần tính từ ngày 15/4/2024, ngày chủ nhật hàng tuần bà V trả cho bà P số tiền là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V có trả cho bà P từ ngày 15/4/2024 đến ngày 30/6/2024 với số tiền 33.500.000 đồng, sau đó bà V ngưng không trả nữa. Do đó, nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà V phải có trách nhiệm trả lại cho bà P số tiền đã vay tổng cộng là 136.040.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng), yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 07/10/2024) cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Ngọc V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P và bà V là phù hợp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tài sản thể hiện nội dung bà V có vay tiền của bà P, cụ thể: Căn cứ vào Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng C, nội dung hợp đồng thể hiện số tiền bà V đã vay của bà P vay là 169.540.000 đồng. Căn cứ vào giấy viết tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 15/4/2024 thể hiện nội dung bà V thừa nhận có mượn của bà P số tiền 169.540.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V có trả cho bà P từ ngày 15/4/2024 đến ngày 30/6/2024 với số tiền 33.500.000 đồng sau đó bà V ngưng không trả nữa.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho phía bị đơn là bà Trần Thị Ngọc V, tuy nhiên bà V vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của bà V đối với yêu cầu của nguyên đơn bà P, cũng như không có giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để phản đối yêu cầu của nguyên đơn bà P đưa ra. Vì vậy, căn cứ vào Điều 91 và 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: có đủ căn cứ xác định bà V đã vay tiền của bà P số tiền vay theo “Hợp đồng vay tài sản” ngày 15/4/2024 và “Giấy mượn tiền” ngày 15/4/2024 với số tiền đã vay là 169.540.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà V có trả cho bà P từ ngày 15/4/2024 đến ngày 30/6/2024 với số tiền 33.500.000 đồng sau đó bà V ngưng không trả nữa. Xét thấy, bản thân V là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với bà P nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà P, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc V phải hoàn trả cho bà P số tiền vay là 136.040.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng), là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 07/10/2024) cho đến ngày Tòa án xét xử (ngày 10/4/2025) là phù hợp. Bởi lẽ: có căn cứ xác định từ sau ngày 30/6/2024 cho đến nay (ngày 10/4/2025) bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho bà P. Vì vậy, buộc bà V phải có nghĩa vụ trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, số tiền lãi được tính cụ thể như sau: $(136.040.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng } 03 \text{ ngày}) = 6.915.000 \text{ đồng}$. Vì vậy, tổng cộng số tiền mà bà V phải hoàn trả cho bà P là: 136.040.000 đồng vốn gốc cộng với 6.915.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 142.955.000 đồng.

[4] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: buộc bà Trần Thị Ngọc V phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P được Tòa án chấp nhận, án phí bà V chịu là: 142.955.000 đồng x 5% = 7.148.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P.

Buộc bà Trần Thị Ngọc V có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị P số tiền vay là 142.955.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó: vốn gốc là 136.040.000 đồng, tiền lãi là 6.915.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc Trần Thị Ngọc V phải chịu án phí là 7.148.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho bà Trần Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.401.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005457 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt